

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-ST

Ngày: 11-3-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Không có.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 653/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hứu Thị T, sinh năm: 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 78B, Đường số 658, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Đường số 658, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn L, sinh năm: 1958 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường số 658, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/11/2019, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hứu Thị T trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị P có quen biết nhau vì cùng xóm, ngày 08/01/2019, Bà cho bà P mượn số tiền 22.600.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn) đồng và 01 chỉ vàng 24Kara. Tổng cộng là 26.600.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng. Hai bên đã thỏa thuận mỗi tháng bà P phải trả 5.000.000 (Năm triệu) đồng, bắt đầu trả từ ngày 30/01/2019 và trả vào ngày 30 hàng tháng. Nhưng kể từ khi mượn tiền cho đến nay, dù đã nhiều lần đòi nhưng bà P không trả tiền cho bà T. Do đó, Bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị P và chồng bà P là ông Trần Văn L phải cùng trả cho bà T số tiền 26.600.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng, trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực và bà T không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày tại bản tự khai ngày 16/01/2020, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Bà P xác nhận có mượn của bà T số tiền 22.600.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn) đồng và 01 chỉ vàng 24 kara. Tổng cộng số tiền mượn là 26.600.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng để phục vụ việc chi tiêu trong gia đình. Bà P và ông Trần Văn L đồng ý trả tiền nợ cho bà T nhưng vì hiện giờ hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả mỗi tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cho đến khi hết nợ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L trình bày tại bản tự khai ngày 25/02/2020, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải: Ông là chồng bà P, ông thống nhất cùng bà P trả cho bà T số tiền 26.600.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 11/11/2019, nguyên đơn bà Hứu Thị T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền 26.600.000 (Hai mươi sáu

triệu sáu trăm nghìn) đồng theo giấy vay nợ ngày 08/01/2019, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là bà Nguyễn Thị P cư trú tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị P xác nhận có nợ bà Hữu Thị T số tiền 26.600.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng, bà P mượn tiền để phục vụ việc chi tiêu trong gia đình được chồng bà P là ông Trần Văn L cùng xác nhận. Đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của bà T yêu cầu bà P và ông L phải trả cho bà số tiền 26.600.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị P cùng ông Trần Văn L đề nghị được trả nợ theo phương thức trả dần, mỗi tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, việc vay mượn tiền của của các bên không ghi thời hạn trả, bà T đã yêu cầu bà P trả tiền từ tháng 2/2019 nhưng đến nay bà P không thực hiện nghĩa vụ. Nay bà T không đồng ý phương thức trả nợ của ông L, bà P đồng thời yêu cầu ông L, bà P phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền 26.600.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P, ông Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông Trần Văn L, sinh năm: 1958, là người cao tuổi thuộc trường được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;
- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hứu Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L có trách nhiệm trả cho bà Hứu Thị T số tiền 26.600.000 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hứu Thị T nếu bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 665.000 (sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị P phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 665.000 (sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng ông Trần Văn L phải chịu nhưng do ông Trần Văn L, sinh năm: 1958, là người cao tuổi thuộc trường được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không phải nộp.

- Hoàn lại cho bà Hứu Thị T số tiền 2.410.250 (hai triệu bốn trăm mười nghìn hai trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2019/ 0083170 ngày 23/12/2019 tại Chi Cục thi hành án huyện C.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc